

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1091 ngày 04/04/09

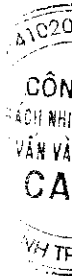
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG BẾN TRE**

*Báo cáo Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán*

31/12/2008

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Tấn Mỹ	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Văn Kiệt	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Văn Nô	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Ni	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Văn A	Thành viên
Ông Lưu Minh Nhân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Tiến Dũng	Giám đốc
Ông Phan Tấn Mỹ	Phó Giám đốc

2. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán trụ điện, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi, điện lực và bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm phục vụ công trình giao thông, đô thị, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi;
- Đóng mới phương tiện thủy, sửa chữa phương tiện thủy bộ, thiết kế, thiết kế hoán cải phương tiện thủy vỏ thép (không lắp máy dưới 100T);
- Thi công xây dựng và sửa chữa các công trình: giao thông (thủy, bộ), công nghiệp, dân dụng, đô thị và thủy lợi.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.

3. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động của năm tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 23.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

5. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

6. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

8. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

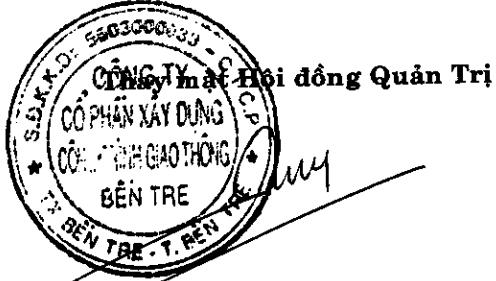
Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



Trương Tiến Dũng

Chủ tịch

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Số: 126/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 (từ trang 06 đến trang 23). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Như đã chú thích tại mục V.3 – trang 15 – Thuyết minh báo cáo tài chính, giá trị khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công trình giao thông của Công ty vào ngày 31/12/2008 là 67.371.352.776 đồng. Chúng tôi đã không thể thu thập được các biên bản xác nhận khối lượng đã thực hiện cho từng công trình tính đến ngày 31/12/2008. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được một cách chính xác giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng công trình.

Như đã chú thích tại mục IV.14 – trang 14 – Thuyết minh báo cáo tài chính, giá vốn của các công trình chỉ mới quyết toán từng phần, chưa được quyết toán toàn bộ, được kết chuyển từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo giá thành kế hoạch do Ban Giám đốc Công ty tự xác định. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng mà chúng tôi cho là cần thiết nhằm đánh giá tính hợp lý của giá thành kế hoạch cũng như việc phân bổ vào giá vốn của những công trình này trong kết quả kinh doanh năm 2008.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		91.605.531.306	110.056.165.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.600.806.399	3.627.791.206
1. Tiền	111	V.01	4.600.806.399	3.627.791.206
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	10.253.830.741	41.809.798.676
1. Phải thu khách hàng	131		5.342.846.920	39.443.306.481
2. Trả trước cho người bán	132		831.920.472	995.820.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		4.079.063.349	1.370.672.195
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	76.004.546.910	61.714.724.121
1. Hàng tồn kho	141		76.004.546.910	61.714.724.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		746.347.256	2.903.851.415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	746.347.256	2.903.851.415
B. Tài sản dài hạn	200		7.885.338.766	4.924.607.953
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.869.225.824	4.904.895.011
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	7.720.803.109	4.282.008.510
- Nguyên giá	222		20.671.338.029	16.234.455.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.950.534.920)	(11.952.447.185)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.06	129.030.000	269.790.000
- Nguyên giá	225		703.800.000	703.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(574.770.000)	(434.010.000)
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	19.392.715	353.096.501
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000	8.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.600.000	8.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.512.942	11.612.942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.512.942	11.612.942
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.490.870.072	114.980.773.371

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		87.486.709.815	103.076.989.830
I. Nợ ngắn hạn	310		86.247.798.594	102.944.852.105
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	12.102.051.208	42.691.931.862
2. Phải trả cho người bán	312	V.09	13.621.618.606	16.510.958.939
3. Người mua trả tiền trước	313	V.09	37.875.147.240	10.572.518.927
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.10	2.710.428.694	3.989.325.146
5. Phải trả người lao động	315	V.11	2.036.483.068	2.364.427.290
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.331.887.736	1.542.836.727
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	16.570.182.042	25.272.853.214
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.238.911.221	132.137.725
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	1.229.912.700	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	115.249.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.998.521	16.888.725
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.15	12.004.160.257	11.903.783.541
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		12.074.576.619	11.904.756.754
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.564.700.000	16.564.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		142.873.882	142.873.882
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		18.339.353	18.339.353
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.651.336.616)	(4.821.156.481)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn hình phí, quỹ khác	430		(70.416.362)	(973.213)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(70.416.362)	(973.213)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.490.870.072	114.980.773.371

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Tuấn Minh
 Kế toán trưởng
 Ngày 24 tháng 02 năm 2009



Trương Tiến Dũng
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

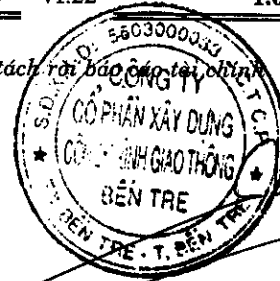
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		95.696.247.721	61.482.985.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.696.247.721	61.482.985.573
4. Giá vốn hàng bán	11		88.636.105.862	62.240.334.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/(lỗ)	20		7.060.141.859	(757.349.106)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	102.123.083	23.278.706
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	3.512.670.218	6.497.228.614
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.512.670.218	6.497.228.614
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	3.943.729.980	3.625.336.316
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(294.135.256)	(10.856.635.330)
11. Thu nhập khác	31	VI.19	727.855.004	8.923.442.470
12. Chi phí khác	32	VI.20	263.899.883	2.887.963.621
13. Lợi nhuận khác	40		463.955.121	6.035.478.849
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	50		169.819.865	(4.821.156.481)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/(lỗ)	60		169.819.865	(4.821.156.481)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22	1.025	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Tuấn Minh
Kế toán trưởng
Ngày 24 tháng 02 năm 2009



Trương Tiến Dũng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	169.819.865	(4.821.156.481)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.145.388.910	781.295.752
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	30.397.225	1.456.133.708
Chi phí lãi vay	06	3.512.670.218	6.497.228.614
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	4.858.276.218	3.913.501.593
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	33.713.472.094	22.042.749.667
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(14.289.822.789)	1.065.895.210
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	14.043.693.228	3.376.121.824
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(900.000)	11.612.942
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.512.670.218)	(6.497.228.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(158.756.289)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(69.443.149)	(64.342.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.583.849.095	23.848.310.336
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.140.116.948)	(1.254.980.388)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	581.434.762
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.234.412.700	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.905.704.248)	(673.545.626)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	36.656.344.613	37.893.209.244
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.361.474.267)	(59.343.768.314)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(115.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.705.129.654)	(21.565.819.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	973.015.193	1.608.945.640
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.627.791.206	2.018.845.566
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.600.806.399	3.627.791.206

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

(Handwritten signature)

Nguyễn Tuấn Minh
Kế toán trưởng
Ngày 24 tháng 02 năm 2009



Trương Tiến Dũng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông Bến Tre là được thành lập theo quyết định thành lập số 4826/QĐ-UBND ngày 09/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000033 ngày 20/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/8/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Theo Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre về việc điều chỉnh và cơ cấu vốn điều lệ, vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 16.564.700.000 đồng tương ứng 165.647 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó:

Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước là	68,56% vốn điều lệ
Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động	25,34% vốn điều lệ
Tỷ lệ cổ phần bán cho đối tượng khác	6,10% vốn điều lệ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại ấp Phú Hòa, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, mua bán trụ điện, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi, điện lực và bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm phục vụ công trình giao thông, đô thị, nông nghiệp, xây dựng, thủy lợi;
- Đóng mới phương tiện thủy, sửa chữa phương tiện thủy bộ, thiết kế, thiết kế hoán cải phương tiện thủy vỏ thép (không lắp máy dưới 100T);
- Thi công xây dựng và sửa chữa các công trình: giao thông (thủy, bộ), công nghiệp, dân dụng, đô thị và thủy lợi.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Ngôn ngữ sử dụng trong ghi chép kế toán: Tiếng Việt;
2. Hình thức kế toán: Nhật ký chung;
3. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Sản phẩm dở dang bao gồm: Giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận tăng ngay khi Công ty lập phiếu giao khoán cho các xưởng cơ khí sửa chữa và các đội xây dựng công trình không phân biệt các công trình đã thực sự thực hiện hay chưa.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng	08 - 29
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận chuyển	05 - 07
Thiết bị quản lý	03 - 06

6. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Quỹ tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

Công ty trích quỹ tiền lương theo thông báo số 578/TB-LĐTĐBXH của Sở Lao động – Thương binh Xã hội duyệt đơn giá tiền lương của Công ty năm 2008 là 27,57 đồng/1.000 đồng doanh thu.

Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế dựa trên tổng quỹ lương cơ bản như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào giá thành là 15% và 5% từ lương công nhân viên, bảo hiểm y tế phải nộp gồm 2% trích vào giá thành và 1% từ lương công nhân viên.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 hướng dẫn trích lập, quản lý và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

11. Phân chia lợi nhuận

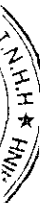
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu các công trình được ghi nhận trên cơ sở khối lượng thực tế đã hoàn thành thể hiện trên các biên bản nghiệm thu và hoá đơn tài chính phát hành, không phân biệt là các công trình đã quyết toán hay chưa quyết toán toàn bộ.

Các khoản thu nhập khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh và hoá đơn tài chính phát hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Ghi nhận giá vốn

Đối với các công trình đã được quyết toán toàn bộ, chi phí giá vốn được kết chuyển toàn bộ từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo thực tế phát sinh.

Đối với các công trình chỉ mới quyết toán từng phần, chưa được quyết toán toàn bộ, chi phí giá vốn được kết chuyển từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo giá thành kế hoạch do Ban Giám đốc Công ty tự xác định trên cơ sở lợi nhuận định mức của Nhà nước.

14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Công ty được miễn thuế, giảm thuế theo quy định hiện hành.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	42.368.809	132.316.016
Tiền gửi ngân hàng	4.558.437.590	3.495.475.190
Cộng	4.600.806.399	3.627.791.206
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khách hàng	5.342.846.920	39.443.306.481
Trả trước cho người bán	831.920.472	995.820.000
Các khoản phải thu khác (*)	4.079.063.349	1.370.672.195
Cộng	10.253.830.741	41.809.798.676
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
Cộng giá trị thuần phải thu	10.253.830.741	41.809.798.676
(*) Bao gồm:		
Phải thu đội xây dựng công trình	2.908.837.967	759.857.399
Phải thu xưởng cơ khí sửa chữa 1	201.694.917	110.613.289
Phải thu xưởng cơ khí sửa chữa 2	98.024.231	68.214.604
Phải thu chi phí hoạt động trạm thu phí cầu Mỹ Thạnh	344.901.109	-
Phải thu khác	525.605.125	431.986.903
Cộng	4.079.063.349	1.370.672.195
3. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
Nguyên vật liệu	4.018.738.593	6.206.816.378
Công cụ dụng cụ	24.973.452	56.794.223
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.290.004.986	54.662.114.987
- Chi phí SXKD dở dang tại các công trình giao thông (*)	67.371.352.776	54.330.197.920
- Chi phí SXKD dở dang khác	918.652.210	331.917.067
Thành phẩm tồn kho	3.670.829.879	788.998.533
Cộng	76.004.546.910	61.714.724.121
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	76.004.546.910	61.714.724.121

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được Công ty ghi nhận tăng ngay khi lập phiếu giao khoán cho các xưởng cơ khí sửa chữa và các đội xây dựng công trình, không phân biệt các công trình đã thực sự thực hiện hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng	514.449.256	2.903.851.415
Tài sản thiếu chờ xử lý	231.898.000	-
Cộng	746.347.256	2.903.851.415

5. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	4.559.561	7.098.307	4.421.522	155.066	16.234.456
Tăng	3.905.880	111.067	456.873	-	4.473.821
Giảm	-	-	36.938	-	36.938
Số dư cuối kỳ	8.465.441	7.209.374	4.841.457	155.066	20.671.338
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.250.950	6.130.266	2.422.130	149.102	11.952.447
Tăng	339.339	388.173	271.152	5.964	1.004.629
Giảm	-	-	6.541	-	6.541
Số dư cuối kỳ	3.590.289	6.518.439	2.686.741	155.066	12.950.535
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.308.611	968.041	1.999.392	5.964	4.282.009
Số dư cuối kỳ	4.875.152	690.935	2.154.716	-	7.720.803

Tài sản cố định tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm mới.

Tài sản cố định giảm do thanh lý.

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại Chi nhánh ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Bến Tre.

Nguyên giá của những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.144.278.388 đồng.

6. Tài sản cố định thuê tài chính (phương tiện vận tải)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	703.800	-	-	703.800
Khấu hao lũy kế	(434.010)	(140.760)	-	(574.770)
Giá trị còn lại	269.790	(140.760)	-	129.030

Tài sản cố định thuê tài chính là phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính số 322/2004/HĐCTTC ngày 24/11/2004. Tài sản thuê là xe ô tô tải có gắn cầu 8,5 tấn hiệu Hyundai; nguyên giá 703.800 ngàn đồng; thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh 14b.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2008	01/01/2008
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	19.392.715	353.096.501
8. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn (a)	11.986.802.208	38.276.671.862
Nợ dài hạn đến hạn trả (b)	115.249.000	4.415.260.000
Cộng	12.102.051.208	42.691.931.862

(*) Chi phí xây dựng nhà vệ sinh Xưởng 1.

	<i>Đơn vị tính: Ngàn đồng</i>			
	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Văn phòng tỉnh ủy Bến Tre	1.500.000	-	1.500.000	-
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Bến Tre	36.776.672	36.771.594	61.561.463	11.986.802
Cộng	38.276.672	36.771.594	63.061.463	11.986.802

Vay ngắn hạn từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Bến Tre (BIDV) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2008/HĐ ngày 06/6/2008. Hạn mức vay 30.000.000 ngàn đồng; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất vay dao động từ 11,5% đến 15%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2008 là 11.986.802 ngàn đồng.

Tài sản cầm cố, thế chấp và bảo lãnh là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng và các quyền tài sản khác phát sinh từ các hợp đồng hoặc từ các căn cứ pháp lý khác của Công ty, bao gồm: Tài sản cố định hữu hình; hàng hoá tồn kho; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mà bên vay là người thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Quyền sử dụng 15.299 m² đất đến tháng 10/2034 và toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị gắn liền đất tại thửa số 38 Ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(b) Nợ thuê tài chính đến hạn trả trong năm 2009.

	31/12/2008	01/01/2008
9. Phải trả người bán và người mua trả trước		
Phải trả người bán	13.621.618.606	16.510.958.939
Người mua trả trước	37.875.147.240	10.572.518.927
Cộng	51.496.765.846	27.083.477.866
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.710.428.694	3.830.568.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	158.756.289
Cộng	2.710.428.694	3.989.325.146

Các khoản thuế được tạm xác định theo số liệu thể hiện trên sổ sách kế toán. Số thuế cụ thể phải nộp sẽ được cơ quan thuế xác định khi kiểm tra quyết toán thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2008	01/01/2008
11. Phải trả người lao động		
Phải trả lương khoán (*)	1.860.562.653	2.112.738.310
Phải trả lương khối gián tiếp	175.920.415	251.688.980
Cộng	2.036.483.068	2.364.427.290

(*) Khoản phải trả tiền lương khoán được ghi nhận theo các phiếu giao khoán cho các xưởng cơ khí sửa chữa hay các đội xây dựng công trình. Khoản tiền lương cụ thể phải trả sẽ được xác định khi các xưởng sửa chữa và đội xây dựng công trình thanh lý phiếu giao khoán.

	31/12/2008	01/01/2008
12. Chi phí phải trả		
Gia công và cung cấp phụ kiện cầu	-	926.782.280
Sửa chữa lớn phà Y100	-	200.000.000
Sản xuất trụ BTLT, cọc BTLT, đà cán các loại	236.534.612	-
Cung cấp trụ điện, đà căng	850.000.000	-
Các công trình khác	245.353.124	416.054.447
Cộng	1.331.887.736	1.542.836.727

	31/12/2008	01/01/2008
13. Các khoản phải trả phải nộp khác		
Phải trả Kinh phí công đoàn	32.456.555	54.409.723
Phải trả Bảo hiểm xã hội, y tế	380.554.228	1.208.020.200
Khoản phải trả khác (*)	16.157.171.259	24.010.423.291
Cộng	16.570.182.042	25.272.853.214

(*) Bao gồm:

Ban Quản lý dự án giao thông vận tải	2.600.000.000	9.220.000.000
Xí nghiệp phà Bến Tre	4.250.000.000	5.150.000.000
Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ	1.874.687.437	3.000.000.000
Phải trả Sở Tài Chính	-	2.000.000.000
Đội xây dựng công trình (**)	4.670.972.633	2.873.996.241
Xưởng cơ khí sửa chữa 1 (**)	593.223.649	538.536.678
Xưởng cơ khí sửa chữa 2 (**)	1.037.945.658	327.499.316
Ban chỉ huy đường Lộ Ngang (**)	276.846.109	-
Cổ tức còn phải trả	23.404.710	293.195.190
Trạm thu phí cầu Mỹ Thạnh	292.997.203	6.994.042
Các đối tượng khác	537.093.860	600.201.824
Cộng	16.157.171.259	24.010.423.291

(**) Khoản phải trả này được ghi nhận theo các phiếu giao khoán cho các xưởng cơ khí sửa chữa hay các đội xây dựng công trình. Khoản cụ thể phải trả sẽ được xác định khi các xưởng sửa chữa và đội xây dựng công trình thanh lý phiếu giao khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Phải trả dài hạn khác

31/12/2008

01/01/2008

Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh

1.229.912.700

-

Khoản nhận vốn góp từ Công ty TNHH Sản xuất - Cơ khí - Điện - Xây dựng - Thương mại Quang Lộc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2007/HĐHTKD ngày 01/8/2007. Hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh trụ bê tôn dự ứng lực và cọc ép với tổng kinh phí dự kiến là 4.120.000.000 đồng; Công ty TNHH Sản xuất - Cơ khí - Điện - Xây dựng Quang Lộc góp 30% và Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre góp 70%.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 16.564.700.000 đồng được chia thành 165.647 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng. Các cổ đông đăng ký vốn theo điều lệ và thực tế góp vốn đến ngày 31/12/2008 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Danh sách cổ đông	Tỷ lệ góp vốn	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn góp đến 31/12/2008
Cổ phần của Nhà nước	68,56%	11.356.500	11.356.500
Cổ phần của người lao động	25,34%	4.198.200	4.198.200
Cổ phần của đối tượng khác	6,10%	1.010.000	1.010.000
Tổng cộng	100,00%	16.564.700	16.564.700

15 a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn đầu tư của CSH (*)	16.564.700	-	-	16.564.700
Quỹ đầu tư phát triển	142.874	-	-	142.874
Quỹ dự phòng tài chính	18.339	-	-	18.339
Lợi nhuận chưa phân phối	(4.821.156)	169.820	-	(4.651.337)
Cộng	11.904.757	169.820	-	12.074.577
Quỹ khen thưởng	(1.886)	53.014	76.850	(25.722)
Quỹ phúc lợi	913	-	45.607	(44.694)
Cộng	(973)	53.014	122.457	(70.416)

15. b. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn nhà nước	11.356.500	11.356.500	-	11.356.500	11.356.500	-
Vốn cổ đông	5.208.200	5.208.200	-	5.208.200	5.208.200	-
Thặng dư	-	-	-	-	-	-
CP ngân quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	16.564.700	16.564.700	-	16.564.700	16.564.700	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp đầu năm	16.564.700.000	16.564.700.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	16.564.700.000	16.564.700.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15. d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	165.647	165.647
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	165.647	165.647
- Cổ phiếu thường	165.647	165.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	165.647	165.647
- Cổ phiếu thường	165.647	165.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	102.123.083	23.278.706

17. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.512.670.218	6.497.228.614

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.393.462.238	1.284.239.478
Chi phí vật liệu quản lý	386.248.923	200.174.902
Chi phí đồ dùng văn phòng	145.959.410	32.758.906
Chi phí khấu hao TSCĐ	164.666.968	154.603.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.919.422	291.458.139
Chi phí bằng tiền khác	1.268.473.019	1.662.101.108
Cộng	3.949.729.980	3.625.336.316

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
19. Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định và bán phế liệu	120.998.544	726.585.586
Chênh lệch thừa do kiểm kê	109.515.903	46.795.200
Dự thu lãi chậm trả	-	5.474.344.981
Thu đền bù giải phóng mặt bằng xưởng An Hiệp	-	2.351.719.000
Thu chênh lệch công nợ	487.666.879	-
Thu nhập khác	9.673.678	323.997.703
Cộng	727.855.004	8.923.442.470
20. Chi phí khác		
Chi thanh lý TSCĐ và phế liệu	59.156.762	2.394.341.396
Chênh lệch thiếu do kiểm kê	51.690.712	36.804.810
Chi thanh toán tiền lãi chậm trả	62.768.394	385.161.022
Các khoản chi phí khác	90.284.015	71.656.393
Cộng	263.899.883	2.887.963.621
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	169.819.865	(4.821.156.481)
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Các khoản không được khấu trừ	-	-
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗ các năm trước chuyển sang	(169.819.865)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	-	(4.821.156.481)
Thuế suất thuế TNDN	28%	28%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	-	-
Thuế TNDN được miễn/giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169.819.865	(4.821.156.481)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	169.819.865	(4.821.156.481)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	165.647	165.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.025	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Điều chỉnh số dư đầu kỳ

Các số dư đầu kỳ đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán năm 2007 của Kiểm toán Nhà nước ngày 13/11/2008. Ảnh hưởng của các khoản điều chỉnh làm cho số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính năm 2008 thay đổi so với số liệu cuối kỳ trên các báo cáo tài chính năm 2007 đã kiểm toán như sau:

	Số liệu trên BCTC 2007 đã kiểm toán	Điều chỉnh lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Tiền	3.627.791.206	3.627.791.206	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	39.313.316.984	41.809.798.676	2.496.481.692
Hàng tồn kho	68.967.123.931	61.714.724.121	(7.252.399.810)
Tài sản ngắn hạn khác	2.903.851.415	2.903.851.415	-
Tài sản cố định	4.904.895.011	4.904.895.011	-
Đầu tư tài chính dài hạn	8.100.000	8.100.000	-
Tài sản dài hạn khác	11.612.942	11.612.942	-
Cộng	119.736.691.489	114.980.773.371	(4.755.918.118)
Vay và nợ ngắn hạn	42.691.931.862	42.691.931.862	-
Phải trả khách hàng	16.510.958.939	16.510.958.939	-
Người mua trả tiền trước	10.572.518.927	10.572.518.927	-
Thuế phải nộp	3.807.698.637	3.989.325.146	181.626.509
Phải trả người lao động	2.364.427.290	2.364.427.290	-
Chi phí phải trả	1.557.152.967	1.542.836.727	(14.316.240)
Phải trả khác	25.272.853.214	25.272.853.214	-
Nợ dài hạn	132.137.725	132.137.725	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	16.827.011.928	11.903.783.541	(4.923.228.387)
Cộng	119.736.691.489	114.980.773.371	(4.755.918.118)
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu	59.168.130.390	61.482.985.573	2.314.855.183
Giá vốn	55.002.251.109	62.240.334.679	7.238.083.570
Tổng lợi nhuận trước thuế	102.071.906	(4.821.156.481)	(4.923.228.387)
Thuế TNDN	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	102.071.906	(4.821.156.481)	4.923.228.387
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	102.071.906	(4.821.156.481)	(4.923.228.387)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	24.539.231.359	22.042.749.667	(2.496.481.692)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	310.724.014	7.563.123.824	7.252.399.810
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	3.208.811.555	3.376.121.824	167.310.269
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(673.545.626)	(673.545.626)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(21.565.819.070)	(21.565.819.070)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.608.945.640	1.608.945.640	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

24. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Minh
Kế toán trưởng
Ngày 24 tháng 02 năm 2009



Trương Tiến Dũng
Giám đốc

